

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2025

V/v “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Phan Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Linh Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 09, xã T, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Văn C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 09, xã T, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Linh Thị T trình bày: Từ tháng 02-2004, chị và anh Triệu Văn C đã tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau. Do không hiểu biết về pháp luật và cũng thấy cũng không cần thiết nên anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, chị T và anh C sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh C đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh C không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C có 02 con chung là Triệu Thế L, sinh năm 2004 (21 tuổi) và Triệu Thế L, sinh năm 2006 (19 tuổi). Hiện nay các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Văn C trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau từ tháng 02-2004 tại thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng). Sau này chuyển đến sinh sống ở Thôn 9, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn 09, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Do sống chung với nhau lâu dài, thấy không cần thiết nên anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau một thời gian dài chung sống, anh chị bắt đầu có nhiều bất đồng, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Chị T bỏ đi làm xa từ năm 2020, nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy đời sống chung không thể tiếp tục nữa, không còn tình cảm yêu thương nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị Thu có 02 con chung là Triệu Thế L, sinh năm 2004 (21 tuổi) và Triệu Thế L, sinh năm 2006 (19 tuổi). Hiện nay các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập. Về án phí: Chị Linh Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Linh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Triệu Văn C nên quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Triệu Văn C đang cư trú tại thôn 9, xã T, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[3]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Linh Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02 - 2004 và có 02 con chung. Quá trình chung sống, mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng chị T và anh C không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Mặt khác, trong quá trình chung sống giữa chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C, anh C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Linh Thị T là có căn cứ, do vậy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C.

[3.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh C và chị T có 02 con chung là Triệu Thế L, sinh năm 2004 (21 tuổi) và Triệu Thế L, sinh năm 2006 (19 tuổi). Hiện nay, các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Linh Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh Thị T đối với anh Triệu Văn C

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C

1.2. Về con chung: Đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Linh Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Linh Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002197 ngày 12 tháng 08 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Linh Thị T và anh Triệu Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

TANDKV7-LD



Nguyễn Văn Khiêm